TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1154/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 21 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đang
2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1163/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị K, sinh năm 1971
Địa chỉ: đường N, Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ liên hệ: đường C, Phường L, Quận T, TP.Hồ Chí Minh.
(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964
Địa chỉ: đường N, Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Ông Đào Trọng L, sinh năm 1962
Địa chỉ: đường N, Phường H, Quận K, TP. Hồ Chí Minh.
(vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2017, bản khai ngày 18/12/2017 và ngày 20/6/2018, biên bản hòa giải ngày 29/3/2018 và ngày 31/10/2018, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T tự nguyện sống chung vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17/12/1992. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn là do ông T thường xuyên nhậu, hăm dọa, đánh đập bà. Hiện tại vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay, sống riêng nhà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà xin được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T có 02 con chung tên Huỳnh Phạm H sinh ngày 24/8/1994 (đã thành niên), Huỳnh Phạm P sinh ngày 14/10/2004. Bà đồng ý giao con chung P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung: Bà K xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà K xác nhận bà có làm ăn thua lỗ nên có mượn nợ nhiều người. Sau đó, Bà K nhờ con trai nói lại với ông T : Nhờ ông T mượn tiền trả nợ giùm cho bà. Bà xác nhận khoảng tháng 5/2015 ông T có đến mượn ông Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để trả nợ giùm cho bà. Bà xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Bà xác nhận không có nợ Ngân hàng và cũng không còn nợ ai khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 18/12/2017, ngày 20/6/2018; biên bản hòa giải ngày 29/3/2018, ngày 31/10/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông xác nhận việc chung sống và đăng ký kết hôn như bà K trình bày là đúng. Vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn nhưng do bà K thiếu nợ người ta, thiếu nợ rất nhiều người nên bà trốn đi từ năm 2015 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, ông có mượn ông anh kết nghĩa tên Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để trả nợ giùm cho vợ bà K. Do ông và ông L là anh em thân thiết nên không làm giấy vay nợ.

Nay bà K xin ly hôn thì ông yêu cầu bà K phải trả lại cho ông Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng thì khi đó ông mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà K có 02 con chung tên Huỳnh Phạm H sinh ngày 24/8/1994, Huỳnh Phạm P sinh ngày 14/10/2004. Con chung H đã thành niên. Con chung P được 14 tuổi. Trong trường hợp ly hôn: Ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Phạm P, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung : Ông Huỳnh Văn T xác nhận không có.

Về nợ chung: Do bà K làm ăn thua lỗ nên có mượn nợ nhiều người mà ông không biết. Bà K không thông báo cho ông biết. Ông xác nhận bà K không dùng số tiền mượn nợ để chi tiêu cho gia đình, con cái ăn học. Sau đó, bà K nhờ con trai nói lại với ông: Nhờ ông mượn tiền trả nợ cho bà K. Ông xác nhận khoảng tháng 5/2015 có đến mượn ông anh kết nghĩa tên Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ giùm cho bà K. Đây là nợ riêng của bà K, không phải là nợ chung của vợ chồng. Hiện nay, ông yêu cầu bà K trả lại cho ông Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng trên thì mới đồng ý ly hôn.

** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 15/10/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng L trình bày:* Ông có quen biết ông Huỳnh Văn T, vào khoảng năm 2015 ông T có mượn ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để trả nợ giùm cho vợ của ông T là bà Phạm Thị K. Sự việc này có đứa con trai lớn Huỳnh Phạm H - là con trai lớn của ông T đi cùng và chứng kiến biết việc. Nhưng từ đó đến nay ông T và bà K chưa trả lại ông số tiền trên.

Nay ông biết vợ chồng ông T và bà K xin ly hôn nên ông có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án nhân dân Quận 8 giải quyết cho ông : Ông yêu cầu vợ chồng ông Huỳnh Văn T và bà Phạm Thị K phải liên đới trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

** Tại buổi hòa giải ngày 31/10/2018 : Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Ý kiến của các đương sự về phần nợ :

+ Bà K xác nhận bà có nhờ ông T mượn của ông L số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ giùm cho bà. Bà làm ăn vay tiền của nhiều người mà ông T không biết. Bà đồng ý trả cho ông L 100.000.000 đồng và bà xin trả từ từ, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

+ Ông T không đồng ý, do đây đồng tiền ân nghĩa nên yêu cầu bà K trả đúng 100.000.000 đồng cho ông L và trả một lần một.

+ Ông Đào Trọng L : Do ông cho mượn tiền mà không tính lãi nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông: yêu cầu trả lại toàn bộ số tiền trên khi giải quyết vụ án, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 31/10/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng L có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

** *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn, bị đơn đều khai thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn dẫn đến xin ly hôn, về con chung, về tài sản chung, chỉ không thống nhất về nợ chung hay nợ riêng. Theo đó:

-*Ý kiến của nguyên đơn:* Bà K đồng ý, tự nguyện một mình trả cho ông L số tiền 100.000.000 đồng, bà xin trả cho ông L hàng tháng 1.500.000 đồng vì hiện nay ông T không có việc làm, bị bệnh gai cột sống, phải nuôi con học.

-*Ý kiến của bị đơn:* Ông T cho rằng số tiền mượn của ông L là nợ riêng của bà Kiều, không phải là nợ chung của vợ chồng. Ông yêu cầu bà K trả cho ông L số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và trả làm một lần.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn: Vợ chồng ông T và bà K chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bà K nợ nần, vợ chồng đã ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy hôn nhân của ông T và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị: Giao con chung Huỳnh Phạm P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về tài sản chung: Ông T và bà K xác nhận không có. Về nợ chung: Do bà K làm ăn thua lỗ nên nhờ ông T mượn của ông L số tiền 100.000.000 đồng để trả nợ giùm cho bà. Bà K xác nhận đây là nợ riêng của bà, bà đồng ý trả lại cho ông L số tiền 100.000.000 đồng. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của Bà Phạm Thị K thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Huỳnh Văn T cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T tự nguyện sống chung vào năm 1992, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94/92, quyển số 01 ngày 17/12/1992 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Phạm Thị K yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn T : Xét quá trình chung sống, bà K và ông T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà K là do ông T thường xuyên nhậu, hăm dọa, đánh đập bà. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2015 đến nay, bà sống riêng nhà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà xin được giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Theo ông T thì ông cho rằng là do bà K thiếu nợ người ta, thiếu nợ rất nhiều người nên bà trốn đi từ năm 2015 cho đến nay, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Nay bà K xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà K và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị K.

Về con chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T có 02 con chung tên Huỳnh Phạm H sinh ngày 24/8/1994 (đã thành niên), Huỳnh Phạm P sinh ngày 14/10/2004. Bà K và ông T thỏa thuận: Ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung P, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Xét, con chung Huỳnh Phạm P hiện nay đang sống với ông T tại địa chỉ số xxx đường N, Phường M, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và nguyện vọng của con chung là thích được chung sống với ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết là hợp lý, có cơ sở, phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T xác nhận có nợ ông Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà K đồng ý sẽ trả cho ông L số tiền trên vì ông T hiện nay không có việc làm, bị bệnh, phải nuôi con ăn học, bà đi làm có thu nhập nên bà xin tự nguyện trả cho ông L toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng L có yêu cầu độc lập: Yêu cầu ông Huỳnh Văn T, Bà Phạm Thị K phải liên đới trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông, không yêu cầu trả lãi. Theo lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn như trên thì các đương sự đều thừa nhận nội dung vay mượn và số tiền vay như ông L yêu cầu là đúng sự thật. Tại phiên tòa, cá nhân bà K xin tự nguyện trả cho ông L toàn bộ số tiền trên, ông L cũng đồng ý chấp nhận; đồng thời yêu cầu độc lập của ông L phù hợp với qui định tại Điều 122, Điều 124, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong thời gian chưa thi hành án.

[5]. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Nguyên đơn bà Phạm Thị K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho ông L là 5%x100.000.000 đồng = 5.000.000 đồng.

+ Do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng L được chấp nhận nên ông L không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 27, Điều 30, Điều 37, Điều 45; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 122, Điều 124, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị K được ly hôn với ông Huỳnh Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 94/92, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/12/1992).

2. Về con chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T có 02 con chung tên Huỳnh Phạm H sinh ngày 24/8/1994 (đã thành niên), Huỳnh Phạm P sinh ngày 14/10/2004. Giao con chung Huỳnh Phạm P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng bà K không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị K và ông Huỳnh Văn T có nợ chung với ông Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Trọng L : Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị K thanh toán cho ông Đào Trọng L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), không tính lãi suất. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Đào Trọng L có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu Bà Phạm Thị K chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013719 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị K còn phải nộp thêm 5.000.000 (năm triệu) đồng.

- Hoàn trả lại cho ông Đào Trọng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018143 ngày 15/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường M, Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Trần Thị Thu Hiệp